

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu MS04-Mua sắm quần áo bảo đảm nhiệm vụ QTMTS, nhiệm vụ C năm 2026.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.
- Địa điểm nhập hàng: Kho Tiểu đoàn 6/Cục Hậu cần-Kỹ thuật Quân Khu 5 (An Khê, Đà Nẵng).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu mô tả nhãn hiệu, xuất xứ, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu. Nếu một chỉ tiêu kỹ thuật không đạt hoặc thiếu tài liệu kỹ thuật mô tả đều được coi như hồ sơ dự thầu không đáp ứng.

- Yêu cầu về thời gian bảo hành \geq 03 tháng, kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.

- Có bảng mô tả tiêu chuẩn kỹ thuật và thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa.

b. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa
1	Quần áo thường phục	<ul style="list-style-type: none">- Quần áo thường phục (TLĐ, BM, TSV...): dựa trên thông số kỹ thuật của "quần áo công chức, công nhân, viên chức quốc phòng k19", yêu cầu quần áo thường phục đạt được 1 số tiêu chí chính như sau:<ul style="list-style-type: none">- Chất lượng: Mới 100%, sản xuất đồng bộ* Một số yêu cầu chính của sản phẩm- Ngoại quan:<ul style="list-style-type: none">+ Áo: Kiểu chít gấu dài tay, cổ đứng. Thân trước ngực có 2 túi, nắp túi có sòì nhọn, ở giữa thân túi có đốì túi, đai mở cạnh cài 2 cúc, nẹp cài 5 cúc, 1 cúc chân cổ và 2 cúc đầu đai. Thân

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa
		<p>sau có cầu vai xếp 2 ly. Tay áo có măng séc cài cúc</p> <p>+ Quần: Kiểu quần âu dài, có 2 túi trước chéo, cửa quần mở suốt bằng khóa kéo fec-mơ-tuya. Thân trước mỗi bên xếp 1 ly lật về phía sườn. Thân sau mỗi bên chiết 1 ly. Thân sau có 2 túi coi cài cúc. Cạp có 6 dây để luồn dây lưng</p> <p>- Màu sắc:</p> <p>+ Quần, chỉ may quần: Màu xanh tím than;</p> <p>+ Áo chít gấu, chỉ may áo chít gấu: Màu xanh hòa bình hoặc màu trắng (theo yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị);</p> <p>+ Cúc quần, khóa quần: Màu đen;</p> <p>+ Cúc áo chít gấu: Màu trắng</p> <p>- Nguyên liệu:</p> <p>+ Vải may áo thường phục nam là Vải Popeline PeVi K13 có các chỉ tiêu kỹ thuật tại Bảng 1.</p> <p>+ Vải may quần thường phục nam là Vải Gabadin len 50/50 K08</p> <p>+ Vải Ka-te K14, vải sa tanh</p> <p>+ Chỉ may là chỉ PES chỉ số N 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính</p> <p>+ Cúc nhựa: Cúc nhựa được sản xuất từ nguyên liệu nhựa nhiệt rắn</p> <p>- Kích thước Áo chít gấu được sản xuất dựa trên công thức thiết kế và trên số đo cụ thể của cơ thể từng người:</p> <p>+ Chiều dài áo: 45 % dài suốt gáy gót;</p> <p>+ Cữ động ngực: 16 cm;</p> <p>+ Cữ động đai: 10 cm;</p> <p>- Quần: Độ cữ động vòng hông: 11 cm;</p>
2	Quần áo ký giả SQ	<p>- Sản xuất và đóng gói: Theo quy định của Tổng Cục Hậu cần - Kỹ thuật</p> <p>- Chất lượng: Mới 100%, sản xuất đồng bộ</p> <p>* Một số yêu cầu chính của sản phẩm</p> <p>- Ngoại quan: Kiểu quần âu dài, có 2 túi chéo. Cửa quần mở suốt kéo khoá. Đầu cạp may quai nhê cài một móc một khuyết và có 6 dây</p>

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa
		<p>lưng. Cạp phía sườn may cá điều chỉnh & amp; lót cạp dẹt sẵn. Thân trước mỗi bên xếp 1 ly lật về phía dọc quần. Thân sau mỗi bên có 1 chiết và 2 túi hậu. Kiểu áo sơ mi buồng, cổ đứng có chân. Nẹp có 4 cúc</p> <p>- Nguyên vật liệu: Vải Popeline pevi K09 có các chỉ tiêu kỹ thuật tại Bảng 3.</p>
3	Quần áo thường phục (QTMLS)	<p>- Quần áo thường phục (TLD, BM, TSV...): dựa trên thông số kỹ thuật của "quần áo công chức, công nhân, viên chức quốc phòng k19", yêu cầu quần áo thường phục đạt được 1 số tiêu chí chính như sau:</p> <p>- Chất lượng: Mới 100%, sản xuất đồng bộ</p> <p>* Một số yêu cầu chính của sản phẩm</p> <p>- Ngoại quan:</p> <p>+ Áo: Kiểu chít gấu dài tay, cổ đứng. Thân trước ngực có 2 túi, nắp túi có sòì nhọn, ở giữa thân túi có đốì túi, đai mở cạnh cài 2 cúc, nẹp cài 5 cúc, 1 cúc chân cổ và 2 cúc đầu đai. Thân sau có cầu vai xếp 2 ly. Tay áo có măng séc cài cúc</p> <p>+ Quần: Kiểu quần âu dài, có 2 túi trước chéo, cửa quần mở suốt bằng khóa kéo fec-mơ-tuya. Thân trước mỗi bên xếp 1 ly lật về phía sườn. Thân sau mỗi bên chiết 1 ly. Thân sau có 2 túi coi cài cúc. Cạp có 6 dây để luồn dây lưng</p> <p>- Màu sắc:</p> <p>+ Quần, chỉ may quần: Màu xanh tím than;</p> <p>+ Áo chít gấu, chỉ may áo chít gấu: Màu xanh hòa bình hoặc màu trắng (theo yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị);</p> <p>+ Cúc quần, khóa quần: Màu đen;</p> <p>+ Cúc áo chít gấu: Màu trắng</p> <p>- Nguyên liệu:</p> <p>+ Vải may áo thường phục nam là Vải Popeline PeVi K13 có các chỉ tiêu kỹ thuật tại Bảng 1.</p> <p>+ Vải may quần thường phục nam là vải Vải Gabadin len 50/50 K08</p>

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa
		<ul style="list-style-type: none"> + Vải Ka-te K14, vải sa tanh + Chỉ may là chỉ PES chỉ số N 60/3 cùng màu với nguyên liệu chính + Cúc nhựa: Cúc nhựa được sản xuất từ nguyên liệu nhựa nhiệt rắn - Kích thước Áo chít gấu được sản xuất dựa trên công thức thiết kế và trên số đo cụ thể của cơ thể từng người: + Chiều dài áo: 45 % dài suốt gáy gót; + Cũ động ngực: 16 cm; + Cũ động đai: 10 cm; - Quần: Độ cũ động vòng hông: 11 cm;
4	Quần áo bảo hộ lao động (QTMLS)	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và đóng gói: Theo quy định của Tổng Cục Hậu cần – Kỹ thuật - Chất lượng: Mới 100%, sản xuất đồng bộ * Một số yêu cầu chính của sản phẩm Ngoại quan: + Áo: Kiểu sơ mi cổ bẻ, thân trước có 4 túi ộp nổi, đáy túi và nắp túi vuông. Tay áo dài có xẻ cửa tay. + Quần: Kiểu quần âu dài. Cửa quần mở suốt bằng khóa nhựa fec -mơ - tuya. Đầu cặp cài móc và cúc, cặp quần có 6 dây để luồn dây lưng. Hai bên sườn cặp quần có gắn chun phía trong để điều chỉnh vòng bụng - Nguyên liệu: Vải Gabadin Peco có chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại bảng 2, chống tĩnh điện, chỉ may (60/3 Ne) - Màu sắc: Màu xanh tím than - Thông số kích thước của sản phẩm (theo số đo của cơ thể từng người): gồm các cỡ số 3,4,5,6 + Áo: Dài áo thân sau từ cổ đến hết gấu bằng ½ dài gáy gót + 5mm; độ cũ động vòng ngực bằng 180mm + Quần: Dài quần tính từ chân cặp đến hết gót chân (theo số đo); độ cũ động vòng hông bằng 160mm

Bảng 1:

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai
01. Chỉ số sợi, Nm	- Dọc - Ngang	TCVN 5095:1990	75/2 75/2	±1 ±1
02. Khối lượng vải, g/m ²		TCVN 8042:2009	150	±1
03. Mật độ sợi, Sợi/10cm	- Dọc - Ngang	TCVN 1753:1986	262 238	±5 ±5
04. Độ bền kéo đứt băng vải, N	- Dọc - Ngang	TCVN 1754:1986	864 786	±5 ±5
05. Sự thay đổi KT sau khi giặt ở 60°C, %	- Dọc - Ngang	TCVN 8041:2009	1,5 1,5	±0.05 ±0.05
06. Độ bền màu giặt xà phòng ở 60°C, cấp	Thay đổi màu		4	
	- Dây	+ Diaxetat	4	
		+ Bông	4-5	
		+ Polyamit	4	
		+ Polyeste	4-5	
		+ Acrylic	4-5	
+ Len	4			
07. Độ bền màu ma sát, cấp	- Khô - Ướt	TCVN 4538:2007	4-5 3-4	
08. Độ bền màu với môi kiềm, axit, cấp	Thay đổi màu		4-5	
	- Dây	+ Diaxetat	4	
		+ Bông	4-5	
		+ Polyamit	4-5	
		+ Polyeste	4-5	
		+ Acrylic	4-5	
+ Len	4			
09. Độ bền màu với nước biển, cấp	Thay đổi màu		4	
	- Dây	+ Diaxetat	4	
		+ Bông	4-5	
		+ Polyamit	4-5	
		+ Polyeste	4-5	
		+ Acrylic	4-5	
+ Len	4			
10. Độ bền màu với ánh sáng nhân tạo, cấp		TCVN 5823:1994	4	
11. Thành phần nguyên liệu Polyeste/Viscose, %		TCVN 5465:2009	65/35	±0.5/±0.5

Bảng 2:

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai	
01. Mật độ sợi, Sợi/10cm	- Dọc	TCVN 1753:1986	525	±5	
	- Ngang		305	±5	
02. Độ bền kéo đứt băng vải, N	- Dọc	TCVN 1754:1986	1565	±5	
	- Ngang		925	±5	
03. Độ bền màu giặt xà phòng ở 60°C, cấp	Thay đổi màu		4-5		
	- Dây	+ Diaxetat	TCVN 7835-C10:2007	4-5	
		+ Bông		4-5	
		+ Polyamit		4-5	
		+ Polyeste		4-5	
		+ Acrylic		4-5	
+ Len	4-5				
04. Độ bền màu với mồ hôi kiềm, axit, cấp	Thay đổi màu		4-5		
	- Dây	+ Diaxetat	TCVN 7835-E04:2010	4-5	
		+ Bông		4-5	
		+ Polyamit		4-5	
		+ Polyeste		4-5	
		+ Acrylic		4-5	
+ Len	4				
05. Thành phần nguyên liệu Cotton/Polyeste/Sợi cacbon, %		TCVN 5465:2009	80/17.5/2.5	±0.5/0.5/0.5	

Bảng 3:

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai	
01. Chỉ số sợi, Nm	- Dọc	TCVN 5095:1990	31/2	±1	
	- Ngang		31/2	±1	
02. Khối lượng vải, g/m ²		TCVN 8042:2009	180	±1	
03. Mật độ sợi, Sợi/10cm	- Dọc	TCVN 1753:1986	230	±5	
	- Ngang		210	±5	
04. Độ bền kéo đứt băng vải, N	- Dọc	TCVN 1754:1986	960	±5	
	- Ngang		765	±5	
05. Sự thay đổi KT sau khi giặt ở 60°C, %	- Dọc	TCVN 8041:2009	1	±0.5	
	- Ngang		1,5	±0.5	
06. Độ bền màu giặt xà phòng ở 60°C, cấp	Thay đổi màu		4		
	- Dây	+ Diaxetat	TCVN 7835-C10:2007	4-5	
		+ Bông		4-5	
		+ Polyamit		4-5	
		+ Polyeste		4-5	
		+ Acrylic		4-5	

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	Dung sai	
	+ Len		4		
07. Độ bền màu ma sát, cấp	- Khô - Ướt	TCVN 4538:2007	4-5 4		
08. Độ bền màu với mồ hôi kiềm, axit, cấp	Thay đổi màu	TCVN 7835-E04:2007	4		
	- Dây		+ Diacetat	4-5	
			+ Bông	4-5	
			+ Polyamit	4-5	
			+ Polyeste	4-5	
+ Acrylic	4-5				
+ Len	4				
09. Độ bền màu với nước biển, cấp	Thay đổi màu	TCVN 5233:2002	4		
	- Dây		+ Diacetat	4-5	
			+ Bông	4-5	
			+ Polyamit	4-5	
			+ Polyeste	4-5	
+ Acrylic	4-5				
+ Len	4				
10. Độ bền màu với ánh sáng nhân tạo, cấp		TCVN 5823:1994	4		
11. Thành phần nguyên liệu Polyeste/Viscose, %		TCVN 5465:2009	65/35	±0.5/0.5	

1.3. Các yêu cầu khác

- Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

- Hàng hóa được bảo hành tối thiểu 3 tháng, nhà sản xuất phải có cam kết đổi trả hàng hóa không đảm bảo chất lượng, hư hỏng do lỗi nhà sản xuất trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư (Có bản cam kết chi tiết cho từng loại).

- Có thuyết minh kế hoạch kèm tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì cụ thể và đảm bảo yêu cầu của E-HSMT.

- Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn nêu trên.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Hàng hoá chuyển đến kho bên mua sẽ được cơ quan chức năng của Bên mua Kiểm tra số lượng; kiểm tra thí điểm, ngẫu nhiên về chất lượng.

- Trong quá trình kiểm tra và thử nghiệm, nếu Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, sản phẩm của nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để tiến hành đánh giá, kiểm tra, thử nghiệm. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng hàng hóa, sản phẩm do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của E-HSMT và hợp đồng đã ký kết.

- Bất kì sản phẩm hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng sản phẩm mới khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi chi phí và rủi ro do nhà thầu chịu.